

Số: /2025/NĐ-CP
(Dự thảo 01)

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH
QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính các năm 2020 và 2025;

Căn cứ Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định 189/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản quy định tại Nghị định này gồm: Vi phạm các quy định về điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về

khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; thu hồi khoáng sản; đóng cửa mỏ; đấu giá quyền khai thác khoáng sản; sử dụng số liệu, thông tin kết quả điều tra địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; quyền lợi của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác; tài chính về địa chất, khoáng sản; kỹ thuật an toàn mỏ và các vi phạm khác trong lĩnh vực khoáng sản được quy định cụ thể tại Chương II Nghị định này.

3. Các hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến lĩnh vực địa chất và khoáng sản không quy định tại Nghị định này thì được áp dụng theo quy định tại các Nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Người có thẩm quyền lập biên bản và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

2. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản theo Nghị định này bao gồm:

a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện), hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

c) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

d) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

đ) Các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khu vực khai thác khoáng sản được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khớp góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp và được xác định theo không gian 3 chiều.

2. Diện tích, ranh giới theo chiều sâu của khu vực khai thác khoáng sản được xem xét, xác định trên cơ sở dự án đầu tư khai thác khoáng sản, phù hợp với trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận.

3. Diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản bao gồm: diện tích khu vực khai thác khoáng sản; diện tích các công trình phục vụ cho hoạt động khai thác khoáng sản gắn với khu vực khai thác khoáng sản; diện tích hành lang bảo đảm an toàn trong khai thác mỏ.

Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính:

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản đối với cá nhân là 1.000.000.000 đồng, đối với tổ chức là 2.000.000.000 đồng.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau:

b) Đình chỉ hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 12 tháng;

c) Tịch thu phương tiện để thực hiện hành vi vi phạm hành chính; tịch thu tang vật, mẫu vật là khoáng sản có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

d) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc báo cáo, thống kê đầy đủ, trung thực các thông tin theo quy định pháp luật; Buộc cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản theo đúng quy định; Buộc cải chính thông tin, dữ liệu sai lệch do thực hiện hành vi vi phạm

b) Buộc bổ sung thiết bị thi công chuyên dụng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.; Buộc hoàn thiện hồ sơ thủ tục thu hồi đất, đá thải, quặng đuôi theo quy định; Buộc kiểm tra, lắp đặt bổ sung thiết bị thông gió đảm bảo lưu lượng.; Buộc hoàn thiện hồ sơ kỹ thuật an toàn theo quy định; Buộc lập hồ sơ quản lý kỹ thuật đối với thiết bị khai thác mới đưa vào mỏ.

c) Buộc thực hiện đầy đủ các biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định; Buộc hoàn trả chi phí hoàn nguyên, cải tạo, phục hồi môi trường.

d) Buộc tổ chức huấn luyện lại kỹ thuật an toàn cho lực lượng vận hành; Buộc huấn luyện lại an toàn lao động cho đội ngũ kỹ thuật.

đ Buộc tháo dỡ hoặc khôi phục hiện trạng ban đầu đối với công trình không được phê duyệt.

e) Buộc lập và lưu trữ đầy đủ biên bản kiểm tra kỹ thuật an toàn định kỳ.; Buộc tổ chức kiểm định, đăng kiểm lại thiết bị, phương tiện khai thác mỏ; Buộc kiểm tra lại toàn bộ thiết bị có nguy cơ mất an toàn; Buộc kiểm tra, rà soát, lắp đặt thiết bị bảo vệ chống rò điện.; Buộc chi trả kinh phí giám định, kiểm định, đo đạc để xác minh vi phạm.

g) Buộc nộp đầy đủ tiền cấp quyền khai thác còn thiếu.

h) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được từ hoạt động thăm dò, khai thác không phép; Buộc trả lại khoáng sản đã thu hồi không đúng quy định hoặc nộp lại giá trị tương đương; Buộc nộp lại khoản lợi bất hợp pháp do sử dụng dữ liệu sai lệch.

i) Buộc giao nộp đầy đủ tài liệu, mẫu vật, báo cáo, dữ liệu địa chất, khoáng sản.; Buộc cập nhật thông tin thu hồi khoáng sản vào báo cáo định kỳ; Buộc đăng ký hoạt động thu hồi khoáng sản theo quy định; Buộc báo cáo phát hiện khoáng sản mới cho cơ quan có thẩm quyền; Buộc gửi quyết định phê duyệt thiết kế mỏ về cơ quan có thẩm quyền; Buộc thực hiện đăng ký lại ngày khởi công xây dựng và khai thác; Buộc kết nối hệ thống dữ liệu khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước; Buộc thực hiện chế độ báo cáo

k) Buộc chứng minh tính hợp pháp của nguồn gốc cát sỏi.

l) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với khu vực đã tiến hành thăm dò trái phép; Buộc thực hiện việc đóng cửa mỏ theo đúng quy định; Buộc lập bản đồ đáy khu vực khai thác và khu vực lân cận theo thời gian quy định; Buộc thu hồi

tối đa khoáng sản trong phạm vi diện tích xây dựng; Buộc thực hiện kế hoạch đóng cửa mỏ theo đúng phê duyệt; Buộc phục hồi công trình, thiết bị đảm bảo an toàn mỏ.

m) Buộc chấm dứt việc thực hiện đề án thăm dò khoáng sản trong trường hợp không khắc phục được vi phạm; Buộc thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép theo quy định của pháp luật; Buộc thực hiện lại hoạt động điều tra cơ bản địa chất theo đúng quy định; Buộc tạo điều kiện cho tổ chức nghiên cứu hợp pháp tiếp cận mỏ.

n) Buộc lập lại sơ đồ mạng phân phối điện toàn mỏ theo đúng quy chuẩn kỹ thuật; Buộc ký kết hợp đồng vận chuyển hợp pháp với chủ phương tiện đủ điều kiện; Buộc trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân và thiết bị xử lý sự cố; Buộc bổ sung hoặc hoàn thiện đội ngũ giám đốc điều hành mỏ; Buộc thiết lập nội quy, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp và phổ biến đến người lao động.

p) Buộc lập phương án quan trắc và đánh giá mức độ bồi tụ theo quy định; Buộc tổ chức lại đội ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách; Buộc trang bị bổ sung hệ thống cảnh báo an toàn và hệ thống thông gió; Buộc thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động.

q) Buộc thực hiện đầy đủ biện pháp khắc phục các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, các giải pháp an toàn, phục hồi môi trường khu vực khai thác; buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hư hỏng hạ tầng kỹ thuật; thực hiện việc nâng cấp, duy tu, xây dựng đường giao thông;

r) Buộc giao nộp mẫu vật, thông tin về khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản; buộc nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ khoản tiền sử dụng thông tin về khoáng sản theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, nộp bổ sung phần tiền do chậm nộp; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm, cụ thể như sau:

Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với lĩnh vực khoáng sản là toàn bộ số tiền tương ứng với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác mà tổ chức, cá nhân thu được khi thực hiện hành vi vi phạm nhân (x) với giá của một đơn vị khối lượng khoáng sản tính thuế tài nguyên (tấn, m³, kg,...) tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và các khoản phí, lệ phí khác theo quy định do thực hiện hành vi vi phạm vào ngân sách nhà nước thì các khoản chi phí trên được trừ đi khi tính số lợi bất hợp pháp.

s) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định và đo đạc trong trường hợp có hành vi vi phạm;

Điều 5. Áp dụng mức phạt tiền trong xử phạt hành chính

1. Mức phạt tiền đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức phạt đối với cá nhân. Mức phạt đối với hộ kinh doanh áp dụng như đối với mức phạt của cá nhân. Mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

2. Thẩm quyền phạt tiền của những người được quy định tại Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền mức tối đa áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; đối với tổ chức, thẩm quyền phạt tiền mức tối đa gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1.

VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN; TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA ĐỊA PHƯƠNG, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Điều 6. Vi phạm các quy định về bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác, kể cả khoáng sản ở bãi thải của mỏ đã đóng cửa theo quy định.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện trách nhiệm tham gia bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng và khoáng sản chưa khai thác khi được cơ quan hoặc người có thẩm quyền yêu cầu.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không đánh giá tổng hợp, không báo cáo đầy đủ thông tin, dữ liệu về loại khoáng sản phát hiện trong khu vực thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không quản lý, bảo vệ khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng và khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác.

5. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi người sử dụng đất, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển không bảo vệ khoáng

sản chưa khai thác trong diện tích đất hoặc khu vực biển; tự ý khai thác hoặc thu hồi khoáng sản.

6. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân khi thực hiện dự án đầu tư hoặc hoạt động khác, nếu phát hiện khoáng sản nhóm I, II, III, không báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; không tổ chức bảo vệ khoáng sản được phát hiện.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện báo cáo, cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này

b) Buộc thực hiện các giải pháp quản lý, bảo vệ khoáng sản đã khai thác và khoáng sản đi kèm theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

c) Buộc trả lại khoáng sản đã khai thác trái phép hoặc nộp lại giá trị tương đương và thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong khu vực được giao theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

d) Buộc báo cáo phát hiện khoáng sản cho cơ quan có thẩm quyền và thực hiện biện pháp bảo vệ khoáng sản theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không bảo vệ khoáng sản trong phạm vi khu vực triển khai dự án mà khu vực đó nằm trong khu vực đã được khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng việc thực hiện dự án đầu tư, xây dựng công trình để khai thác, thu hồi trái phép khoáng sản dự trữ mà giá trị khoáng sản tại thời điểm phát hiện vi phạm không vượt quá 500.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không theo dõi, giám sát và không báo cáo kịp thời cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi có tác động trực tiếp đến loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi thực hiện hoạt động san gạt, đào đắp bề mặt địa hình hoặc các hoạt động tác động trực tiếp đến khoáng sản dự trữ.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp lại giá trị khoáng sản đã khai thác trái phép; buộc thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định nếu gây thiệt hại đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Buộc thực hiện giám sát, theo dõi và báo cáo theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Buộc báo cáo kịp thời, đầy đủ thông tin về hoạt động tác động đến khoáng sản dự trữ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định đối với quyền lợi hợp pháp của địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các hạng mục nâng cấp, duy tu, xây dựng đường giao thông phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản đã xác định trong dự án đầu tư công trình khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ đã duyệt.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đủ các hạng mục nâng cấp, duy tu, xây dựng đường giao thông theo đúng thiết kế mỏ đã được phê duyệt.

Điều 9. Vi phạm các quy định về trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nơi có tài nguyên địa chất, khoáng sản được khai thác

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản theo quy định.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không kịp thời phản ánh với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật trong hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi cản trở trái pháp luật công tác điều tra địa chất, địa chất khoáng sản, thăm dò, khai thác, thu hồi khoáng sản hợp pháp.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với hành vi vi phạm và khôi phục lại tình trạng ban đầu nếu có hành vi ngăn chặn bằng công trình, rào chắn, thiết bị và các phương tiện khác đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

Mục 2.

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT, ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VỀ KHOÁNG SẢN

Điều 10. Vi phạm quy định về đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi chậm đăng ký hoặc không đăng ký hoạt động điều tra địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký bổ sung hoặc điều chỉnh khi có thay đổi về mục tiêu, nhiệm vụ, diện tích, phương pháp điều tra so với đề án, dự án, nhiệm vụ được phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng điều tra địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản để khai thác tài nguyên địa chất, khoáng sản trái phép.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện điều tra địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản khi chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp giấy phép hoặc chấp thuận bằng văn bản.

5. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng điều tra địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản để xâm phạm an ninh quốc gia, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc chấm dứt hoạt động điều tra trái phép và hoàn trả lại hiện trạng ban đầu nếu gây ảnh hưởng đến khu vực điều tra đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại hiện trạng nếu có hành vi xâm phạm tài sản, môi trường, hoặc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân; buộc bồi thường thiệt hại nếu gây ra tổn thất cụ thể đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

Điều 11. Vi phạm quy định về điều tra và nghĩa vụ trong hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt; không tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức, đơn giá trong điều tra cơ bản địa chất.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm tính trung thực, đầy đủ khi thu thập, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản; không bảo mật thông tin theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường, tài nguyên địa chất, khoáng sản trong quá trình điều tra địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản theo quy định tại đề án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi chậm nộp hoặc không nộp báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi lấy mẫu công nghệ vượt quá khối lượng cho phép.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi san lấp không đầy đủ hoặc không san lấp các công trình khai đào: hào, giếng; không xây (hoặc lấp) bịt cửa lò đối với công trình sau khi đã kết thúc thi công theo thiết kế; không lấp lỗ khoan bằng các vật liệu đúng theo đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ thông tin về địa chất, khoáng sản trong quá trình điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

8. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không nộp hoặc nộp báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, mẫu vật địa chất cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản không đúng thời gian theo quy định.

9. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cố ý hủy hoại hoặc làm hư hỏng mẫu vật địa chất, khoáng sản có giá trị, quý hiếm.

10. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép bằng văn bản.

11. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật, mẫu vật địa chất, khoáng sản thu được từ hành vi vi phạm quy định tại các khoản 5 Điều này;

12. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Buộc thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung của đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc thực hiện lại việc điều tra cơ bản địa chất theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và 10 Điều này;

d) Buộc nộp báo cáo, mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 8 Điều này.

Mục 3.

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Điều 12. Hành vi thăm dò khoáng sản mà không có giấy phép

1. Phạt tiền đối với hành vi thi công thăm dò mà không có giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định, cụ thể như sau:

a) Từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm III;

b) Từ 400.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm II;

c) Từ 700.000.000 đồng đến 900.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm I;

2. Phạt tiền đối với hành vi thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết hạn, kể cả trường hợp đang đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản mà chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản, cụ thể như sau:

a) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm III;

b) Từ 90.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm II;

c) Từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với trường hợp thăm dò khoáng sản nhóm I.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ mẫu vật, tài liệu, thiết bị thu được từ hoạt động thăm dò trái phép quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với khu vực đã tiến hành thăm dò trái phép quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

Điều 13. Vi phạm quy định về khảo sát thực địa, lấy mẫu để lập đề án thăm dò khoáng sản

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu để lập đề án thăm dò khoáng sản khi chưa gửi thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực dự kiến thăm dò khoáng sản theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không lập, không thực hiện đầy đủ đề án thăm dò khoáng sản hoặc không tuân thủ các nội dung, phương án trong đề án đã được phê duyệt.

Điều 14. Vi phạm các quy định về ranh giới khu vực thăm dò khoáng sản

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi cắm mốc các điểm khép góc khu vực được phép thăm dò khoáng sản nhưng không đúng quy cách theo quy định hoặc đã cắm mốc nhưng không đầy đủ số lượng mốc các điểm khép góc khu vực được phép thăm dò khoáng sản;

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc cắm mốc các điểm khép góc khu vực được phép thăm dò khoáng sản.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thực hiện việc cắm mốc các điểm khép góc khu vực được phép thăm dò khoáng sản

Điều 15. Vi phạm quy định về tiêu chuẩn của nhân sự phụ trách kỹ thuật thăm dò khoáng sản

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi chủ nhiệm đề án thăm dò là người nước ngoài nhưng không có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chủ nhiệm đề án thăm dò không có văn bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò, kỹ thuật địa chất hoặc tương đương.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chủ nhiệm đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không có văn bằng đại học trở lên chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chủ nhiệm đề án thăm dò không có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản được cấp bởi tổ chức đào tạo chuyên ngành.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản nhóm I hoặc nhóm II không có đủ 05 năm kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò khoáng sản.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản độc hại không có thời gian tham gia thi công với tư cách là nhân viên kỹ thuật địa chất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại hoặc làm chủ nhiệm 01 đề án thăm dò khoáng sản từ bước lập đề án đến bước lập báo cáo kết quả thăm dò được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản nhóm III không có thời gian tham gia thi công với tư cách là nhân viên kỹ thuật địa chất 01 đề án thăm dò khoáng sản.

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản đảm nhận quá 02 đề án thăm dò khoáng sản cùng một thời gian.

9. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản không có thời gian chỉ đạo thi công ít nhất 25% thời gian thi công đề án thăm dò được quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản.

10. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nhân viên kỹ thuật phụ trách chuyên ngành không có thời gian tham gia thi công đề án điều tra địa chất/thăm dò khoáng sản độc hại tối thiểu 05 năm (trình độ trung cấp nghề) hoặc 03 năm (trình độ đại học) và không có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò khoáng sản độc hại.

11. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi nhân viên kỹ thuật phụ trách chuyên ngành không có thời gian tham gia thi công đề án điều tra địa chất/thăm dò khoáng sản nhóm I hoặc II tối thiểu 03 năm (trình độ trung cấp nghề) hoặc 02 năm (trình độ đại học).

12. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nhân viên kỹ thuật phụ trách chuyên ngành không có thời gian tham gia thi công đề án điều tra địa chất/thăm dò khoáng sản nhóm III tối thiểu 02 năm (trung cấp nghề) hoặc 01 năm (đại học).

13. Hình thức xử phạt bổ sung

Cấm đảm nhiệm vị trí chủ nhiệm đề án thăm dò trong thời hạn 01 năm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 9 Điều này;

14. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thay thế chủ nhiệm đề án thăm dò hoặc nhân sự kỹ thuật không đáp ứng điều kiện đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 10, 11 và 12 Điều này;

b) Buộc bổ sung hồ sơ chứng minh điều kiện năng lực chuyên môn, thời gian thi công thực tế đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều này;

c) Buộc chấm dứt việc thực hiện đề án thăm dò khoáng sản trong trường hợp không khắc phục được vi phạm về điều kiện nhân sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản; hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân thi công công trình thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm không có thiết bị, công cụ chuyên dụng đáp ứng yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản không có hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điều 27 và 28 của Nghị định này.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản không lưu giữ hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản lập hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản nhưng không bảo đảm tính trung thực.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

Cấm hành nghề thăm dò, kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản trong 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc bổ sung, thay thế thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập lại hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều này;

c) Buộc lưu giữ hồ sơ kinh doanh dịch vụ thăm dò khoáng sản đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản; bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân thực hiện thăm dò vượt quá mức sâu đã xác định trong đề án thăm dò có khả năng ảnh hưởng đến các công trình khác dưới sâu trong cùng phạm vi diện tích khu vực thăm dò mà không báo cáo và không được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản thực hiện bổ sung khối lượng, hạng mục công việc thi công mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép xem xét, chấp thuận bằng văn bản.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Cấm hành nghề thăm dò khoáng sản trong thời hạn nhất định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 Điều này;

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc bổ sung hồ sơ kỹ thuật điều chỉnh đề án thăm dò khoáng sản theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc hoàn trả hiện trạng khu vực thăm dò hoặc thực hiện biện pháp an toàn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

Điều 18. Vi phạm quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thu thập đầy đủ, không lưu giữ thông tin về khoáng sản.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cố ý hủy hoại hoặc làm hư hỏng mẫu vật địa chất, khoáng sản có giá trị, quý hiếm.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các công việc khi giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực quy định tại khoản 3 Điều 52 của Luật Địa chất và Khoáng sản.

7. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không đánh giá đầy đủ quy mô tài nguyên, trữ lượng, chất lượng các loại khoáng sản theo đề án thăm dò.

8. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng thăm dò khoáng sản để xâm phạm an ninh quốc gia, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

9. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động thăm dò khoáng sản 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 12 Điều này;

10. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc bồi thường thiệt hại và khôi phục lại hiện trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo, lưu giữ hồ sơ, tài liệu kỹ thuật, đánh giá kết quả thăm dò khoáng sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 5 và khoản 7 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không lập đề án thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản và xác định khoáng sản đi kèm.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác kèm theo đề án thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản, xác định khoáng sản đi kèm.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản không đủ điều kiện kinh doanh thăm dò khoáng sản tự thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản và xác định khoáng sản đi kèm mà không hợp đồng với tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo khoản 1 Điều 38 của Luật Địa chất và khoáng sản và các Điều 27, 28 của Nghị định này để thực hiện công tác thăm dò bổ sung.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động thăm dò từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc lập đề án thăm dò bổ sung đúng quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp bổ sung báo cáo đề án và hồ sơ thăm dò cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân đủ điều kiện để thực hiện công tác thăm dò bổ sung theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng; thăm dò, khai thác khoáng sản đi kèm

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng không có đội ngũ cán bộ, chuyên gia địa chất, khoáng sản có trình độ chuyên môn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi đơn vị, tổ chức thực hiện dịch vụ thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng không có hệ thống thiết bị, máy móc chuyên dụng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; hoặc không được kiểm định, bảo dưỡng định kỳ; hoặc không có phần mềm chuyên dụng để xử lý, phân tích dữ liệu địa chất, khoáng sản.

3. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản khai thác khoáng sản đi kèm đã được phê duyệt, công nhận trữ lượng nhưng không thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 64 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 trước khi khai thác.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc bổ sung hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc trang bị đội ngũ cán bộ, chuyên gia địa chất, khoáng sản đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị, phần mềm chuyên dụng, kiểm định định kỳ theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

d) Buộc đình chỉ hoạt động thăm dò cho đến khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về thăm dò khoáng sản phóng xạ, khoáng sản có chứa các nguyên tố phóng xạ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường đã được xác định trong đề án thăm dò khoáng sản nhưng chưa gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thăm dò.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đầy đủ các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường đã được xác định trong đề án thăm dò khoáng sản, gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thăm dò.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi đã gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thăm dò mà thực hiện không đầy đủ các biện pháp khắc phục.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thăm dò mà không thực hiện biện pháp khắc phục.

5. Hình thức phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động thăm dò khoáng sản trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần: Từ 01 tháng đến dưới 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; từ 03 tháng đến dưới 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2; từ 06 tháng đến dưới 09 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3; từ 09 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến sức khỏe con người đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện đầy đủ các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 22. Hành vi lợi dụng thăm dò để khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền đối với hành vi lợi dụng thăm dò khoáng sản để khai thác tài nguyên địa chất, khoáng sản trái phép, cụ thể như sau:

a) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của hộ kinh doanh;

b) Từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với thăm dò khoáng sản trừ trường hợp quy định tại điểm a, c khoản này;

c) Từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với thăm dò khoáng sản là đá quý, vàng, bạc, platin.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ tang vật là khoáng sản; tịch thu phương tiện sử dụng (kể cả phương tiện khai thác trực tiếp và phương tiện tham gia gián tiếp) để thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn; đền bù thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra

b) Buộc chi trả kinh phí trung cầu giám định, kiểm định, đo đạc và các chi phí liên quan khác để xác minh hành vi, phạm vi, mức độ vi phạm.

Điều 23. Vi phạm quy định về giao nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường không nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kèm theo hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kèm theo hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc giao nộp đầy đủ báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và hồ sơ công nhận kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về nghĩa vụ khi giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi, chấm dứt hiệu lực

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò theo quy định.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không san lấp công trình thăm dò; không bảo vệ khoáng sản; không phục hồi môi trường, đất đai theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc di chuyển toàn bộ tài sản ra khỏi khu vực thăm dò đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường, san lấp công trình, bảo vệ khoáng sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

Điều 24a. Vi phạm quy định về thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản

Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản khi giấy phép còn hiệu lực ít hơn 45 ngày.

Mục 4.

**VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN,
KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**

Điều 25. Hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép

1. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản mà không có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà tổng giá trị khoáng sản không vượt quá 500.000.000 đồng, cụ thể như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp tổng giá trị khoáng sản dưới 100.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp tổng giá trị khoáng sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp tổng giá trị khoáng sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với trường hợp tổng giá trị khoáng sản từ 300.000.000 đồng đến dưới 400.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp tổng giá trị khoáng sản từ 400.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu toàn bộ tang vật là khoáng sản trong trường hợp chưa được tiêu thụ có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp đối với tang vật là khoáng sản đã được tiêu thụ có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

a) Buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn; đền bù thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra.

b) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và các chi phí liên quan khác để xác minh hành vi vi phạm, phạm vi, mức độ vi phạm.

c) Đối với hành vi khai thác khoáng sản không có giấy phép khai thác khoáng sản tại khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thì áp dụng mức phạt tiền cao nhất của khung phạt tương ứng với từng mức xử phạt. Hình thức xử phạt bổ sung áp dụng như khoản 10 Điều này.

d) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật là khoáng sản có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều này trong trường hợp đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

Điều 26. Vi phạm các quy định về ranh giới khu vực khai thác khoáng sản

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi cắm mốc các điểm khép góc khu vực được phép khai thác khoáng sản nhưng không đúng quy cách theo quy định hoặc đã cắm mốc nhưng không đầy đủ số lượng mốc các điểm khép góc khu vực được phép thăm dò khoáng sản;

2. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản ra ngoài phạm vi ranh giới được cấp giấy phép mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì được áp dụng như Điều 25 Nghị định này.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc cắm mốc các điểm khép góc khu vực được phép khai thác khoáng sản.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cắm mốc theo đúng quy cách và số lượng theo quy định

Điều 27. Vi phạm quy định về công suất được phép khai thác

1. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác vượt công suất tối đa được phép khai thác hàng năm nêu trong giấy phép khai thác khoáng sản từ 15% đến dưới 25%.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác vượt công suất được phép khai thác hàng năm nêu trong giấy phép khai thác khoáng sản từ 25% đến dưới 50%.

3. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác vượt công suất được phép khai thác hàng năm nêu trong giấy phép khai thác khoáng sản từ 50% đến dưới 100%.

4. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác vượt công suất được phép khai thác hàng năm nêu trong giấy phép khai thác khoáng sản từ 100% trở lên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp cải tạo để đảm bảo an toàn hệ thống khai thác; phục hồi môi trường trong trường hợp gây sự cố môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về tổn thất định mức trong khai thác khoáng sản

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản gây tổn thất khoáng sản vượt quá so với trị số tổn thất định mức được xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ đã duyệt, cụ thể như sau:

1. Phạt cảnh cáo với trường hợp gây tổn thất khoáng sản vượt dưới 5% so với trị số tổn thất định mức;

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp gây tổn thất khoáng sản vượt từ 5% đến dưới 10% so với trị số tổn thất định mức;

3. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với trường hợp gây tổn thất khoáng sản vượt quá từ 10% trở lên so với trị số tổn thất định mức.

Điều 29. Vi phạm quy định về điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp đã có sự thay đổi tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản từ 01 năm trở lên nhưng không nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản hoặc đã nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành khai thác theo những nội dung đang đề nghị điều chỉnh nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 30. Vi phạm quy định về khai thác khoáng sản trong diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân không phải đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thu hồi cát, sỏi từ các dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch nhưng không đăng ký khối lượng nạo vét, khối lượng cát có thể thu hồi với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong phạm vi diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư nhưng sản phẩm khai thác không sử dụng để xây dựng công trình đó mà chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác, cụ thể như sau:

a) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với trường hợp khoáng sản sau khai thác đem sử dụng cho tổ chức, cá nhân khác; cho dự án, công trình khác;

b) Từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp khoáng sản sau khai thác đem bán cho tổ chức, cá nhân khác.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về khai thác khoáng sản không phải khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi khai thác khoáng sản không phải khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận đầu tư nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép khai thác theo quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và xác minh trong trường hợp có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 32. Vi phạm quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng, chi phí thăm dò khoáng sản theo quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không phối hợp với chính quyền địa phương trong hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế mỏ, trừ trường hợp bất khả kháng.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác khoáng sản với cơ quan có thẩm quyền; không thông báo cho ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện.

5. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo cơ quan quản lý nhà nước để công nhận kết quả thăm dò bổ sung khi thăm dò bổ sung.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi không khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; không thực hiện biện pháp bảo vệ khoáng sản trong ranh giới khai thác.

7. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, khai thác; không kiểm soát sản lượng thực tế trước khi vận chuyển ra ngoài; không đầu tư, lắp đặt, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với cơ quan quản lý theo Điều 108 Luật Địa chất và Khoáng sản.

8. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo kết quả hoạt động khai thác cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

9. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

10. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đóng cửa mỏ; không cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

11. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến khoáng sản nhóm I, nhóm II và nhóm III tiến hành thu hồi đất, đá thải, quặng đuôi mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 69 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025.

12. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng khai thác khoáng sản để xâm phạm an ninh quốc gia, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

13. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục khai thác khi đã khai thác đủ trữ lượng cát, sỏi quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản.

14. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi không lập phương án quan trắc, đánh giá mức độ bồi tụ tại khu vực khai thác cát, sỏi lòng sông, hồ, khu vực biển; không đánh giá mức độ biến động đáy sông, hồ, biển khu vực lân cận.

15. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi không lập bản đồ đáy sông, hồ, biển tại khu vực khai thác và khu vực lân cận định kỳ 6 tháng 1 lần hoặc lập không đúng quy định về thời gian và nội dung.

16. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không lắp đặt bảng thông báo công khai thông tin của bến, bãi tập kết cát, sỏi, bảng thông báo công khai thông tin về giấy phép khai thác, dự án khai thác.

17. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh, sử dụng cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển không có nguồn gốc hợp pháp.

18. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký bến bãi, vị trí tập kết, loại phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi theo quy định pháp luật.

19. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, không lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi.

20. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định pháp luật trong trường hợp không trực tiếp vận chuyển cát, sỏi.

21. Hình thức xử phạt bổ sung

b) Đình chỉ hoạt động khai thác từ 03 - 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động khai thác từ 09 - 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 13 Điều này.

22. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp đầy đủ tiền cấp quyền khai thác, chi phí đánh giá tiềm năng, chi phí thăm dò và các khoản thuế, phí, lệ phí còn thiếu đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc khôi phục tiến độ thực hiện dự án khai thác theo báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế mỏ đã được phê duyệt đối với hành vi vi phạm tại khoản 3; buộc đăng ký lại ngày bắt đầu xây dựng cơ bản và ngày bắt đầu khai thác, thông báo đầy đủ với chính quyền địa phương đối với hành vi vi phạm tại khoản 4; buộc khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn, bảo vệ khoáng sản, môi trường theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 6 Điều này;

c) Buộc lập, gửi và được phê duyệt đề án thăm dò bổ sung; công nhận kết quả thăm dò bổ sung theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 5 Điều này;

d) Buộc nộp báo cáo kết quả hoạt động khai thác đối với hành vi vi phạm tại khoản 8 Điều này;

đ) Buộc bồi thường thiệt hại cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng bị ảnh hưởng đối với hành vi vi phạm tại khoản 9.

e) Buộc lập, phê duyệt và thực hiện phương án đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 10.

g) Buộc vận hành hệ thống dữ liệu và kết nối với hệ thống thông tin khoáng sản theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 7 Điều này;

h) Buộc lắp đặt bảng thông báo công khai thông tin về hoạt động khai thác tại bến bãi đối với hành vi vi phạm tại khoản 16; buộc đăng ký bến bãi, phương tiện, thiết bị khai thác vận chuyển theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 18; buộc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, lưu trữ đầy đủ thông tin di chuyển của phương tiện, thiết bị khai thác cát sỏi đối với hành vi vi phạm tại khoản 19 Điều này;

i) Buộc ký kết hợp đồng vận chuyển hợp pháp với chủ phương tiện đủ điều kiện theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 20 Điều này;

Điều 33. Vi phạm quy định về thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không thực hiện công tác thống kê, kiểm kê khối lượng, trữ lượng khoáng sản đã khai thác định kỳ hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 64 của Luật Địa chất và khoáng sản.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không lập sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai, khối lượng đất đá thải (nếu có), khối lượng khoáng sản đưa vào chế biến và khối lượng khoáng sản sau chế biến theo dự án khai thác.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không lập sổ theo dõi hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai, trong tinh quặng hoặc sản phẩm thu được sau chế biến.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không lưu giữ kết quả tính toán khối lượng, trữ lượng theo bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản.

5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không lắp đặt, không duy trì vận hành, không

sử dụng thiết bị cân hoặc thiết bị đo đặc để kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác phục vụ thống kê.

6. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không kiểm soát khối lượng khoáng sản nguyên khai bằng thiết bị cân hoặc đo đặc trước khi đưa ra khỏi khu vực khai thác.

7. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không kiểm soát khối lượng khoáng sản nguyên khai trước khi đưa vào chế biến và trước khi đưa ra khỏi khu vực khai thác.

8. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản không kiểm soát khối lượng khoáng sản thu hồi bằng thiết bị cân hoặc đo đặc trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án khai thác.

9. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản không lập sổ sách, chứng từ về sản lượng khoáng sản đã thu hồi; không có hồ sơ nghiệm thu khối lượng đào đắp trong dự án.

10. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản không lưu giữ, không bảo quản đầy đủ hồ sơ sổ sách, chứng từ liên quan đến khối lượng khoáng sản đã thu hồi.

11. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không tạm dừng khai thác và không thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản, công trình khai thác khi giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hạn hoặc đang được cơ quan có thẩm quyền xem xét gia hạn.

12. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện thống kê, kiểm kê, lưu giữ hồ sơ theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản từ 1 đến 4 Điều này;

b) Buộc lắp đặt, duy trì và sử dụng thiết bị cân, thiết bị đo đặc để kiểm soát sản lượng khoáng sản đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 đến khoản 8 Điều này;

c) Buộc lập hồ sơ, chứng từ về sản lượng khoáng sản đã thu hồi và lưu giữ đầy đủ hồ sơ liên quan theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 9 và khoản 10 Điều này;

d) Buộc dừng khai thác và thực hiện biện pháp bảo vệ tài sản, công trình khai thác đối với hành vi vi phạm tại khoản 11 Điều này.

Điều 34. Vi phạm quy định về chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 03 - 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Điều 35. Vi phạm quy định về thiết kế cơ sở của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không gửi Quyết định phê duyệt thiết kế mỏ về các cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 77 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025.

2. Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi chủ dự án đầu tư khai thác khoáng sản, bao gồm cả khai thác tận thu theo quy định tại Khoản 2 Điều 78 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 mà không có thiết kế cơ sở, thiết kế mỏ, trừ trường hợp được miễn trừ phải lập thiết kế cơ sở, thiết kế mỏ theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi khai thác không đúng hệ thống khai thông, chuẩn bị (đối với khai thác hầm lò), hệ thống mở vỉa (đối với khai thác lộ thiên); không đúng trình tự khai thác; không cắt tầng khai thác khi thiết kế mỏ đã xác định việc cắt tầng khai thác

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đổ thải không đúng vị trí đã xác định trong Thiết kế mỏ được phê duyệt mà chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi khai thác không đúng chủng loại hoặc vượt quá số lượng thiết bị khai thác đã được xác định trong hồ sơ dự án đầu tư khai thác khoáng sản đối với hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản cho đến khi có thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.

b) Đình chỉ hoạt động khai thác từ 06 tháng tới 09 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện theo thiết kế mỏ hoặc thiết kế mỏ điều chỉnh được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều này.

b) Buộc gửi quyết định phê duyệt thiết kế mỏ về cơ quan có thẩm quyền theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Buộc khai thác theo đúng chủng loại, số lượng thiết bị khai thác được xác định trong hồ sơ dự án đầu tư khai thác khoáng sản đối với hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển.

Điều 36. Vi phạm quy định về giám đốc điều hành mỏ, nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản tiến hành khai thác khoáng sản mà không có giám đốc điều hành mỏ hoặc nhân sự điều hành mỏ theo quy định tại Điều 62 của Luật Địa chất và Khoáng sản.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi giám đốc điều hành khai thác hầm lò không đáp ứng các yêu cầu quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nhân sự điều hành mỏ không đáp ứng yêu cầu quy định.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi giám đốc điều hành mỏ khai thác mỏ hầm lò điều hành đồng thời từ 02 giấy phép khai thác khoáng sản trở lên.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi giám đốc điều hành mỏ lộ thiên điều hành đồng thời hơn 03 giấy phép hoặc điều hành 03 giấy phép có khoảng cách vượt quá 10 km.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không có nhân sự điều hành các lĩnh vực kỹ thuật, an toàn, môi trường theo quy định.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm điều kiện để giám đốc điều hành hoặc nhân sự điều hành mỏ thực hiện nhiệm vụ.

8. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực của giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan có thẩm quyền.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 37. Vi phạm quy định về bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không lập, không cập nhật, không quản lý hoặc không lưu giữ bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác kể từ khi bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ đến khi kết thúc khai thác theo giấy phép.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện công tác thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác định kỳ hằng năm.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại tại các thời điểm quy định (gia hạn, điều chỉnh, chuyển nhượng, trả lại giấy phép, đóng cửa mỏ).

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, số liệu thống kê, kiểm kê không chính xác, không trung thực.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản theo đúng quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này;

b) Buộc cung cấp thông tin, số liệu chính xác, trung thực đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

Điều 38. Vi phạm quy định về khai thác khoáng sản chiến lược, quan trọng, khoáng sản độc hại, khoáng sản phóng xạ, khoáng sản có chứa các nguyên tố phóng xạ

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường đã được xác định trong Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế mỏ nhưng chưa gây ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đầy đủ các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường đã được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế mỏ, gây ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác.

3. Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi đã gây ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác mà thực hiện không đầy đủ các biện pháp khắc phục.

4. Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác mà không thực hiện biện pháp khắc phục.

5. Hình thức phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động thăm dò khoáng sản trong trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần: Từ 01 tháng đến dưới 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; từ 03 tháng đến dưới 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2; từ 06 tháng đến dưới 09 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3; từ 09 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến sức khỏe con người đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thực hiện đầy đủ các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 39. Vi phạm quy định về nghĩa vụ khi bị thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

2. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi tự ý tháo dỡ, phá hủy các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản khi không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện việc đóng cửa mỏ theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc khôi phục, xây dựng lại công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

Điều 41a. Vi phạm quy định về thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi giấy phép còn hiệu lực ít hơn 30 ngày.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản khi giấy phép còn hiệu lực ít hơn 30 ngày.

Mục 5.

**VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT AN TOÀN
TRONG KHAI THÁC MỎ**

Điều 42. Vi phạm các quy định về lập hồ sơ quản lý kỹ thuật an toàn, thi công hộ chiếu khai thác mỏ

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm lập không đúng, không đầy đủ hoặc không lập các tài liệu kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ theo quy định, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp lập không đúng, không đầy đủ các tài liệu kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp không lập các tài liệu kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thi công không đúng theo hộ chiếu, biện pháp thi công được phê duyệt.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 43. Vi phạm các quy định về sử dụng hệ thống thiết bị, phương tiện trong mỏ hầm lò

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm về việc đưa hệ thống thiết bị, phương tiện trước khi đưa vào vận hành lần đầu trong mỏ hầm lò, cụ thể như sau:

a) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đưa vào vận hành trước khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra chấp thuận.

b) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra chấp thuận trước đưa vào vận hành.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về kỹ thuật an toàn trong quá trình sử dụng phương tiện, thiết bị vận tải mỏ;

3. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về thiết bị, máy, phương tiện trong nhà máy tuyển khoáng, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng không đúng, không đủ hồ sơ quản lý đối với thiết bị, máy, phương tiện;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hồ sơ quản lý đối với thiết bị, máy, phương tiện;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kỹ thuật an toàn trong quá trình vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng.

4. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm về việc đưa các máy, thiết bị, hóa chất có khả năng gây mất an toàn thuộc Danh mục sản phẩm hàng hóa nhóm 2; các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động vào hoạt động khi chưa được kiểm tra, kiểm định các điều kiện kỹ thuật an toàn; lập hồ sơ quản lý thiết bị theo quy định, cụ thể như sau:

a) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp trang bị, sử dụng bình tự cứu cá nhân không đúng quy định;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp kiểm tra, kiểm định thiếu các thông số hoặc chưa thực hiện kiểm tra, kiểm định lần đầu, kiểm định lại theo đúng thời hạn; lập thiếu hoặc lập chưa đúng hồ sơ quản lý thiết bị;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với trường hợp không thực hiện kiểm tra, kiểm định an toàn; không lập hồ sơ quản lý thiết bị.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

Điều 44. Vi phạm các quy định về thông gió, thoát nước và ngăn ngừa bụi nước mỏ, xếp loại mỏ hầm lò theo mức độ nguy hiểm do khí cháy, nổ gây ra

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về thông gió mỏ, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về thông gió đường lò cắt, gương khâu, đo kiểm soát không khí mỏ;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về lắp đặt, vận hành các công trình thông gió, quạt gió cục bộ;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp đủ lưu lượng và tốc độ gió theo yêu cầu đến các vị trí sản xuất;

d) Từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng kế hoạch thông gió mở hoặc không điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thông gió mở kịp thời khi kế hoạch sản xuất thay đổi; lập sơ đồ mạng thông gió mở.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về thoát nước, ngăn ngừa bụi nước mỏ, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định an toàn về trạm bơm thoát nước mỏ;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với 01 trong những hành vi vi phạm các quy định kỹ thuật an toàn về phòng ngừa bụi nước mỏ, bao gồm: Không lập kế hoạch khoan thăm dò bụi nước, khoan thăm dò trước gương; không lập biện pháp thi công khoan thăm dò bụi nước, khoan thăm dò trước gương; thi công không đúng biện pháp được duyệt.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không trình hồ sơ đề nghị xếp loại mỏ hầm lò theo mức độ nguy hiểm do khí cháy, nổ gây ra với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, d khoản 1; khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 45. Vi phạm các quy định về cung cấp điện trong mỏ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ chống rò điện và vi phạm quy định về bảo vệ cường độ đối với mạng cung cấp điện và thiết bị điện mỏ.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về kỹ thuật an toàn trong quá trình sử dụng cáp điện, máy điện, thiết bị điện và trạm biến áp.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không lập hoặc lập không đúng sơ đồ cung cấp điện toàn mỏ, các khu vực sản xuất; sơ đồ tiếp đất chung cho toàn mỏ theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về việc thay đổi cấu tạo và sơ đồ đấu nối của thiết bị điện, các sơ đồ điều khiển, bảo vệ và kiểm tra, cũng như khắc lại vạch chia độ các thiết bị bảo vệ tại mỏ khi những thay đổi này chưa được nhà máy chế tạo đồng ý hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền cho phép.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 46. Vi phạm các quy định về chuẩn bị nguyên liệu; cấp tải, dỡ tải, vận chuyển nguyên liệu trong nhà máy tuyển khoáng

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về chuẩn bị nguyên liệu, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về thiết kế, lắp đặt và trang bị cơ cấu bảo vệ, bảo hiểm để ngăn ngừa vật liệu văng ra gây nguy hại cho người đối với máy đập, máy nghiền;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy trình, quy định về vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy đập, máy nghiền;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không lập các giải pháp loại trừ bụi gây nổ trong quá trình đập, nghiền quặng có khả năng sinh ra bụi nổ.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về cấp tải, dỡ tải, vận chuyển nguyên liệu, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy trình, quy định về cấp tải, dỡ tải và vận chuyển nguyên liệu;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kiểm tra hoặc kiểm tra không đúng quy định về độ mòn của các đường ống vận chuyển nguyên liệu;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về kỹ thuật an toàn trong quá trình xây lắp và vận hành tời kéo.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

Điều 47. Vi phạm các quy định về bảo quản, sử dụng thuốc tuyển; kho chứa khoáng sản, bãi thải, hồ thải quặng đuôi

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về bảo quản, sử dụng thuốc tuyển, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về xây dựng, lắp đặt thiết bị tại khu vực pha chế, kho chứa thuốc tuyển;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về kỹ thuật an toàn đối với người làm việc trong khu vực pha chế, kho chứa thuốc tuyển.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về kỹ thuật an toàn tại kho chứa khoáng sản; bãi thải, hồ thải quặng đuôi, cụ thể như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đầy đủ hoặc báo cáo không đúng thời gian quy định về thông tin dữ liệu hồ chứa quặng đuôi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo thông tin dữ liệu hồ chứa quặng đuôi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; không xây dựng biện pháp phòng chống cháy nổ đối với kho chứa khoáng sản có tính tự cháy;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về xây dựng và vận hành bãi thải quặng đuôi;

d) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng biện pháp phòng chống cháy nổ tại bãi thải khoáng sản có tính tự cháy; phương án giải quyết sự cố khi đập chắn bãi thải, hồ thải bị nứt vỡ.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

Điều 48. Vi phạm các quy định về việc lập hồ sơ, quản lý công tác an toàn trong khai thác khoáng sản theo quy định

1. Phạt tiền đối với 01 trong các hành vi vi phạm về việc lập hồ sơ quản lý an toàn trong khai thác khoáng sản theo quy định, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng quy chế quản lý và phân cấp quản lý về công tác an toàn, vệ sinh lao động;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với 01 hành vi không xây dựng các tài liệu gồm: Quy trình, nội quy an toàn.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về tổ chức thực hiện công tác an toàn, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện giao ca và nhận lệnh sản xuất đầu mỗi ca không đúng quy định.

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện giao ca và nhận lệnh sản xuất đầu ca.

c) Từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không kiểm tra kỹ thuật an toàn vị trí làm việc; máy, thiết bị trước khi thực hiện công việc; không kịp thời xử lý các hiện tượng gây mất an toàn.

3. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về nhật lệnh, ca lệnh, giao - nhận ca sản xuất, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi ghi nhật lệnh, ca lệnh, giao - nhận ca sản xuất không đầy đủ hoặc không đúng các nội dung;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không ghi các biện pháp khắc phục nguy cơ mất an toàn được phát hiện trước khi bắt đầu làm việc và trong thời gian làm việc vào nhật lệnh sản xuất.

4. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không gửi kế hoạch quản lý rủi ro cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp lập không đúng nội dung kế hoạch quản lý rủi ro theo quy định;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp lập không đầy đủ nội dung kế hoạch quản lý rủi ro theo quy định;

d) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp không lập kế hoạch quản lý rủi ro theo quy định;

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 49. Vi phạm các quy định về công tác kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không có quy định hoặc quy định không đầy đủ về phân công trách nhiệm kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn cho nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm không thực hiện công tác kiểm tra, giám sát kỹ thuật an toàn theo quy định, cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp người kiểm soát ra vào cửa lò không thực hiện kiểm tra người mang chất gây cháy, nổ và nguồn sinh lửa vào mỏ;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp Trưởng ca sản xuất hoặc tương đương không thực hiện kiểm tra kỹ thuật an toàn;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp Trưởng phòng, Quản đốc hoặc người được ủy quyền không thực hiện kiểm tra kỹ thuật an toàn;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với trường hợp Giám đốc điều hành, các Phó Giám đốc theo lĩnh vực được phân công không thực hiện kiểm tra kỹ thuật an toàn hoặc kiểm tra không đủ.

Điều 50. Vi phạm quy định về kỹ thuật an toàn đối với đối với giám đốc điều hành mỏ và nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng tài liệu để huấn luyện cho giám đốc điều hành mỏ và nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản không đầy đủ hoặc không đúng các nội dung theo quy định; không đủ thời gian huấn luyện theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức huấn luyện theo định kỳ cho giám đốc điều hành mỏ hoặc một trong các nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản theo quy định; người huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản không đúng tiêu chuẩn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi giám đốc điều hành mỏ hoặc một trong các nhân sự quản lý, điều hành sản xuất trong khai thác khoáng sản hầm lò không có giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản theo quy định; sử dụng các chức danh quản lý, điều hành sản xuất không đúng tiêu chuẩn theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 51. Vi phạm quy định đội ngũ ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách trong khai thác khoáng sản và chế độ báo cáo về tai nạn lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động trong khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng tài liệu để huấn luyện đội ngũ ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách trong khai thác khoáng sản không đầy đủ hoặc không đúng các nội dung theo quy định; không đủ thời gian huấn luyện theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không tổ chức huấn luyện theo định kỳ cho đội ngũ ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách trong khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thành lập đội ngũ ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách trong khai thác khoáng sản theo quy định; thông tin đến Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi xảy ra sự cố nghiêm trọng gây tai nạn lao động chết người; sập đổ gây vùi lấp, mắc kẹt người; cháy, nổ trong mỏ; bụi nước, bùn gây vùi lấp, mắc kẹt người.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thực hiện biện pháp khắc phục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Mục 6.

VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ THU HỒI KHOÁNG SẢN; CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

Điều 52. Vi phạm quy định về thu hồi khoáng sản

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi thu hồi khoáng sản nhưng không thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 75 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thu hồi khoáng sản khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật kết quả thu hồi, sử dụng khoáng sản vào báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản và báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản hàng năm.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động thu hồi khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc trả lại khoáng sản đã thu hồi không đúng quy định hoặc nộp lại giá trị tương đương đối với hành vi quy định tại khoản 1 và 2 Điều này;

b) Buộc cập nhật thông tin thu hồi khoáng sản vào báo cáo định kỳ và báo cáo kiểm kê trữ lượng khoáng sản đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 53. Vi phạm quy định về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật, không thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động thu hồi khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo kết quả hoạt động thu hồi khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không chính xác thông tin, số liệu về kết quả hoạt động thu hồi khoáng sản.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không bồi thường thiệt hại do hoạt động thu hồi khoáng sản gây ra.

5. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động thu hồi khoáng sản để xâm phạm an ninh quốc gia, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

6. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động nạo vét để khai thác, thu hồi cát, sỏi trái phép.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi tại khoản 5 và khoản 6 Điều này;

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 6 Điều này;

Điều 54. Vi phạm quy định về chế biến

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi chế biến khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng công nghệ, thiết bị chế biến hiện đại để thu hồi khoáng sản đã được xác định trong Dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt gây lãng phí, thất thoát tài nguyên.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến chủng loại, khối lượng thuốc tuyển, hóa chất hoặc các loại vật chất khác được sử dụng trong hoạt động chế biến khoáng sản.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc không gửi báo cáo về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quản lý hoạt động chế biến khoáng sản.

5. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không kê khai, không báo cáo trung thực, đầy đủ về hoạt động chế biến khoáng sản theo quy định.

6. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện thống kê, kiểm kê khối lượng, nguồn gốc khoáng sản được sử dụng cho hoạt động chế biến hoặc không thể hiện trong báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ khoáng sản đã qua chế biến không có nguồn gốc hợp pháp đối với hành vi vi phạm tại khoản 1.

b) Đình chỉ hoạt động chế biến khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 5.

14. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được từ hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1.

c) Buộc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5.

d) Buộc báo cáo, thống kê đầy đủ, trung thực các thông tin theo quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 5 và 6.

Mục 7.

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN; ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Điều 55. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không ưu tiên sử dụng công nghệ, thiết bị, vật liệu thân thiện với môi trường trong khai thác khoáng sản.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác; không thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án khi kết thúc khai thác.

4. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định pháp luật.

5. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện quan trắc môi trường, không báo cáo đúng quy định.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác khoáng sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 và 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án đã được phê duyệt đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 và 4 Điều này.

b) Buộc thực hiện quan trắc và báo cáo đầy đủ hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 5 Điều này.

c) Buộc áp dụng các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động môi trường đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.

Điều 56. Vi phạm quy định đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với toàn bộ hoặc phương án đóng cửa mỏ một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không nộp hoặc nộp chậm hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm sự ổn định và an toàn của khu vực sau khi đóng cửa mỏ.

5. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi ranh giới khu vực thực hiện đề án hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đến thời điểm bàn giao khu vực cho địa phương quản lý.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đầy đủ khối lượng các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong đề án hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.

7. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản.

8. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đầy đủ các giải pháp đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn, phục hồi đất đai theo đề án đóng cửa mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Mục 8.
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ ĐỊA CHẤT,
KHOÁNG SẢN

Điều 57. Vi phạm quy định về giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không giao nộp báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản theo quy định.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi không giao nộp tài liệu nguyên thủy thu thập trong quá trình thực hiện đề án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản hoặc đề án thăm dò khoáng sản.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi không giao nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản hoặc mẫu vật bảo tàng thu thập được trong quá trình thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp định kỳ hoặc đột xuất thông tin về hoạt động khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thông qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với tài liệu, mẫu vật, báo cáo, dữ liệu địa chất, khoáng sản được thu thập nhưng không giao nộp theo quy định.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản theo đúng quy định pháp luật đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 58. Vi phạm quy định về lưu trữ, bảo quản, cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về bảo mật và an ninh thông tin về địa chất, khoáng sản khi giao nộp dữ liệu.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 90 và Điều 92 của Luật Địa chất và khoáng sản.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác hoặc không trung thực lên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không tuân thủ quy định về bảo mật và an ninh thông tin theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước khi khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản sai mục đích được phép.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi làm sai lệch thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản đã được cung cấp.

8. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

9. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng số liệu, thông tin kết quả điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư để lập đề án thăm dò khoáng sản hoặc dự án đầu tư khai thác khoáng sản mà thông tin đó không do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp theo quy định.

10. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi chưa hoàn trả đầy đủ hoặc không hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản khi sử dụng thông tin về khoáng sản phục vụ khai thác khoáng sản theo thông báo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp được miễn theo quy định.

11. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tự ý tiêu hủy thông tin, dữ liệu, mẫu vật địa chất, khoáng sản bị hư hỏng không thể phục chế hoặc hết giá trị sử dụng mà chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

12. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Khôi phục lại tình trạng ban đầu của hệ thống thông tin, dữ liệu bị làm sai lệch;

b) Thu hồi hoặc điều chỉnh lại các thông tin, dữ liệu không đúng, không đầy đủ đã cung cấp;

c) Bồi thường thiệt hại (nếu có) cho cơ quan, tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng bởi hành vi vi phạm.

Điều 59. Vi phạm quy định về giao nộp báo cáo, tài liệu, mẫu vật

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi giao nộp báo cáo, tài liệu, mẫu vật không đúng thời hạn, quá 60 ngày kể từ khi hoàn thành nhiệm vụ, dự án hoặc đề án.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thực hiện việc giao nộp đầy đủ báo cáo, tài liệu, mẫu vật còn thiếu cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

Mục 9.

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 60. Vi phạm quy định về thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản nhưng không nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, trừ trường hợp khu vực tận thu khoáng sản, khoáng sản nhóm IV.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản theo đúng quy định nếu còn trong thời hạn pháp luật cho phép;

Điều 61. Vi phạm quy định về thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản hoặc ở khu vực tận thu khoáng sản, khoáng sản nhóm IV nhưng không nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép khai thác tận thu khoáng sản trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản (nếu còn trong thời hạn theo quy định pháp luật);

Điều 62. Vi phạm quy định về gia hạn nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoặc không xin gia hạn thời hạn nộp hồ sơ trong trường hợp bất khả

kháng hoặc thay đổi chính sách nhà nước làm ảnh hưởng đến việc thực hiện, dẫn đến quá thời hạn kéo dài tối đa 12 tháng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp hồ sơ gia hạn trong thời gian quy định nếu điều kiện pháp lý cho phép;

b) Trường hợp không còn đủ điều kiện pháp lý để nộp hồ sơ, buộc thực hiện các nghĩa vụ tài chính và bồi thường thiệt hại (nếu có).

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

Điều 63. Thẩm quyền của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Thanh tra viên Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện thanh tra về địa chất và khoáng sản có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và c khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Điều 64. Thẩm quyền của cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về địa chất và khoáng sản

1. Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này, cụ thể như sau:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

- c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

2. Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành hoặc liên ngành do Giám đốc Sở nông nghiệp và môi trường ra quyết định thành lập trong thời hạn kiểm tra thanh tra có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

3. Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành hoặc liên ngành do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Giao thông ra quyết định thành lập, trong thời hạn kiểm tra có quyền có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 250.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

4. Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và giao thông có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản đối với các hành vi vi phạm các quy định về thiết kế mỏ, an toàn kỹ thuật công nghiệp mỏ quy định tại Nghị định này.

Điều 65. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

- 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;
 - c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm bị xử phạt quy định tại Nghị định này.

Điều 66. Thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân

Lực lượng Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 8, 9, 10, 24, 25, 26, 27, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 43, 44, 45, 47, 48, 52 và Điều 54.

Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Chiến sĩ công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng.

2. Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.

3. Thủy đội trưởng, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và c khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp xã; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát điều tra

tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Trưởng phòng An ninh kinh tế, Thủy đoàn trưởng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường; Cục trưởng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu; Cục trưởng Cục an ninh kinh tế; Cục trưởng Cục cảnh sát giao thông có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 67. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng

Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 8, 9, 10, 24, 26, 27, 32, 34, 35, 37, 45, 47, 48 và Điều 54

Nghị định này tại khu vực biên giới thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ đội biên phòng, cụ thể như sau:

- 1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng.
- 2. Trạm trưởng, đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 150.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và c khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn Biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định khoản 3 Điều 4 Nghị định này;
- đ) Đình chỉ hoạt động có thời hạn.

Điều 68. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển

Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản đối với tất cả các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này tại khu vực thuộc trách nhiệm quản lý của Cảnh sát biển, cụ thể như sau:

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng.
2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.
3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
 - c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và c khoản 3 Điều 4 Nghị định này;
4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 300.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
 - d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định khoản 3 Điều 4 Nghị định này;
5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn Trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 500.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
 - d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định khoản 3 Điều 4 Nghị định này;
6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 800.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định khoản 3 Điều 4 Nghị định này;

đ) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng quy định khoản 3 Điều 4 Nghị định này;

Điều 69. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản được lập theo quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này gồm:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản đang thi hành công vụ, nhiệm vụ;

b) Công chức được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đang thi hành công vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chuyên môn về địa chất và sản của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại khoản 2 Điều này có quyền lập biên bản hành chính về những vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

4. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập biên bản một lần. Nếu một hành vi vi phạm hành chính đã bị lập biên bản thì không lập biên bản lần thứ hai đối với chính hành vi đó.

Trường hợp hành vi vi phạm đã bị lập biên bản mà sau đó cá nhân, tổ chức vẫn tiếp tục thực hiện, mặc dù người có thẩm quyền xử phạt đã buộc chấm dứt hành vi vi phạm, thì khi ra quyết định xử phạt đối với hành vi đó, người có thẩm quyền áp dụng thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5. Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi phạm hành chính trong cùng một vụ vi phạm hoặc vi phạm nhiều lần thì biên bản xử phạt phải thể hiện đầy đủ các hành vi vi phạm hoặc số lần vi phạm.

Điều 70. Đình chỉ hoạt động có thời hạn

a) Đình chỉ hoạt động có thời hạn trong phạm vi, không gian khu vực thực hiện hành vi vi phạm.

b) Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò, khai thác khoáng sản, nếu cá nhân, tổ chức vẫn tiến hành thăm dò, khai thác khoáng sản; thăm dò, khai thác, sử dụng thì bị xử phạt như hành vi không có giấy phép.

Điều 71. Chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản để truy cứu trách nhiệm hình sự

Chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm về địa chất, khoáng sản để truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm về địa chất, khoáng sản đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thực hiện theo quy định của Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Bộ luật Tố tụng hình sự;

b) Đối với vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm về địa chất, khoáng sản được phát hiện qua thanh tra thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 72. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính mà tại thời điểm đó đang còn hiệu lực.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực trong đó có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là thu số lợi bất hợp pháp nhưng chưa hoàn thành việc xác định số lợi bất hợp pháp thì số lợi bất hợp pháp quy định tại điểm q khoản 2 Điều 2 Nghị định 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 được xác định như sau:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính phải thực hiện đo đạc để xác định khối lượng khoáng sản vi phạm, đơn vị thực hiện việc đo đạc phải chịu trách nhiệm toàn diện đối với kết quả đo đạc.

b) Đơn giá khoáng sản khai thác vi phạm hành chính là đơn giá khoáng sản nguyên khai chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp xác định được khối lượng khoáng sản khai thác vi phạm hành chính theo từng thời điểm vi phạm cụ thể, đơn giá được xác định tại thời điểm vi phạm. Trường hợp không xác định được thời điểm vi phạm hoặc xác định được

thời điểm vi phạm nhưng không xác định được khối lượng khoáng sản theo từng thời điểm vi phạm thì đơn giá được xác định tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm hành chính.

c) Chi phí trực tiếp được xác định là tổng giá trị trước thuế giá trị gia tăng của các loại chi phí sau:

Chi phí khấu hao tài sản cố định là máy móc, thiết bị hoặc chi phí thuê máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho hành vi vi phạm hành chính, được xác định theo quy định về tính khấu hao tài sản cố định hoặc hợp đồng thuê máy móc, thiết bị tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Chi phí nhân công phục vụ trực tiếp cho hành vi vi phạm hành chính, được xác định trên cơ sở bảng chấm công, mức tiền lương, tiền công thực lĩnh của nhân công theo bảng chi lương nhân công của tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính.

Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư tiêu hao phục vụ trực tiếp cho hành vi vi phạm hành chính hoạt động khai thác khoáng sản, được xác định trên cơ sở hoá đơn, chứng từ, phiếu xuất kho tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động liên quan trực tiếp đến khai thác khoáng sản thì chi phí trực tiếp được xác định trên cơ sở hợp đồng tương ứng với các loại chi phí trực tiếp.

đ) Trường hợp không tách được chi phí trực tiếp cho riêng khối lượng khoáng sản có được từ hành vi vi phạm hành chính thì chi phí trực tiếp được tính theo định mức chi phí (nếu có) hoặc xác định theo phương pháp bình quân trên cơ sở lấy tổng chi phí cần xác định chia (:) cho khối lượng khoáng sản khai thác trong năm có hành vi vi phạm hành chính. Công thức xác định như sau:

$$C_{vpi} = M_i \times Q_{vp}$$
$$\text{hoặc } C_{vpi} = \frac{C_i}{Q_i} \times Q_{vp}$$

Trong đó:

C_{vpi} là chi phí trực tiếp i để khai thác khối lượng khoáng sản vi phạm;

M_i là định mức chi phí trực tiếp i cho 1 đơn vị khoáng sản;

C_i là tổng chi phí trực tiếp i trong năm làm căn cứ tính chi phí trực tiếp;

Q_i là tổng khối lượng khoáng sản khai thác trong năm làm căn cứ tính chi phí trực tiếp;

Q_{vp} là khối lượng khoáng sản vi phạm.

e) Trường hợp số lợi bất hợp pháp có được từ hành vi vi phạm hành chính nhỏ hơn tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường tương ứng với khối lượng khoáng sản có được từ hành vi vi phạm hành chính tính tại thời điểm xác định chi phí trực tiếp.

3. Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản được thực hiện sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì được áp dụng quy định tại Nghị định này để xử lý.

Điều 73. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2025.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022) của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KTN (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính